

ちから ま
この力なら負けない!
「～にかけては」



【負けない】 不认输(CN) / Không thua(VN) / မရှုံးဘူး(MM) / हार्दिन(NP) / শরব না(BD) | 【自信】 自信(CN) / Tự tin(VN) / ယုံကြည်မှု(MM) / আত্মবিশ্বাস(NP) / আত্মবিশ্বাস(BD)

どんな意味(いみ)?

Riêng về kỹ năng hoặc lĩnh vực đặc biệt đó thì không chịu thua ai / giỏi nhất!

あし はや
足の速さにかけては、クラスでだれにも
ま
負けません。

(Riêng về tốc độ chạy, tôi không thua bất kỳ ai trong lớp.)



【形(かたち)のルール】

【Danh từ
(名詞)】

+ にかけては ➡



【Từ ngữ
tích cực】



だれにも^ま負けない (Không thua ai)



いちばんじょうず

一番上手だ (Giỏi nhất)



じしん

自信がある (Có tự tin)

^{めいし} 【名詞(めいし)】+ にかけては

Tất cả môn nấu ăn



Nấu món
Cà ri



^は母は、カレーを^{つく}作ること**にかけては**
^まプロのシェフにも負けません。

(Riêng về khoản nấu cà ri, mẹ tôi không hề thua kém cả đầu bếp chuyên nghiệp.)

めいし
【名詞(めいし)】+ にかけては

Tiếng Nhật nói chung



Kiến thức chữ
Hán (Kanji)



Làm giáo viên
kinh ngạc!



リンさんは、^{かんじ}漢字の^{ちしき}知識にかけては
^{せんせい}先生も^{おどろ}驚くほどです。

(Riêng về kiến thức Kanji, Linh xuất sắc đến mức giáo viên cũng phải ngạc nhiên.)

⚠ テストで気(き)をつけましょう！ (Lưu ý bầy đề thi JLPT!)



かんじ
漢字にかけては、
だれにも^ま負けない

(Khen ngợi, tự tin → ĐÚNG)



かんじ
漢字にかけては、
~~へた^ま下手です / 負け^まます~~

(Tuyệt đối không dùng với
đánh giá kém / tiêu cực → SAI)

Quiz 1: Chọn vế sau phù hợp nhất

^{うた}
歌の^{じょうず}
上手さにかけては、
()。

^{たなか}
1. 田中さんが^{いちばん}
一番です

^{たなか}
2. 田中さんは^{へた}
下手です

^{たなか}
3. 田中さんは^{うた}
歌を^{うた}
歌います

^{たなか}
4. 田中さんに^ま
負けました

Quiz 1: Đáp án & Giải thích

うた ^{じょうず} 歌の上手さにかけては、(1. ^{たなか}田中さんが^{いちばん}一番です)。

^{たなか} 1. 田中さんが^{いちばん}一番です

^{たなか} 2. 田中さんは^{へた}下手です

^{たなか} 3. 田中さんは^{うた}歌を^{うた}歌います

^{たなか} 4. 田中さんに^ま負けました



Đáp án: 1

Về sau của 「～にかけては」 **luôn phải là lời khen mang tính tích cực số một.**

✕ Lựa chọn 2 và 4 mang ý nghĩa tiêu cực, nhận thua.

✕ Lựa chọn 3 chỉ là một sự thật thông thường, không có sự đánh giá cao.

Quiz 2: Sắp xếp các từ vào chỗ trống (Dấu ★)

^{かれ}彼は、パソコンの _____ ★ _____ ^ま負けません。

1. にかけては

2. だれにも

^{しゅうり}
3. 修理

^{ぎじゅつ}
4. の技術

Quiz 2: Đáp án & Giải thích

かれ
彼は、パソコンの 3. ^{しゅうり}修理 4. ^{ぎじゅつ}の技術 1. にかけては 2. だれにも ^ま負けません。

Đáp án: 1 (Thứ tự đúng: 3 → 4 → 1 → 2)

Ghép danh từ: 修理(しゅうり) + の + 技術(ぎじゅつ) (Kỹ thuật sửa chữa)

Áp dụng cấu trúc: **Danh từ + にかけては + Đánh giá tích cực (だれにも負けない).**

(Riêng về kỹ thuật sửa chữa máy tính, anh ấy không thua kém một ai.)

Vocab Dock

[修理] 修理(CN) / Sửa chữa(VN) / ၵုၵ်းသုၵ်း(MM) / मर्मत(NP) / मरम्मत(BD) | [技術] 技术(CN) / Kỹ thuật(VN) / နည်းပညာ(MM) / सीप(NP) / दक्षता(BD)

ねだん やす
値段の安さ（ ）

みせ まち いちばん
この店が町ちで一番です。

1. にかけては

2. にかんしては

3. にくらべては

4. にたいしては

Quiz 3: Đáp án & Tổng kết

****Đáp án: 1. にかけては** (Riêng về độ rẻ, cửa hàng này là số một trong thị trấn.)

The Champion's Summary Block

 **Tổng kết cốt lõi: 【Danh từ】 + にかけては + 【Đánh giá tích cực (Nhất / Không thua ai)】**

 *Tuyệt đối không dùng cho ý nghĩa tiêu cực hoặc sự thật thông thường!*

[値段] 价格(CN) / Giá cả(VN) / စျေးနှုန်း(MM) / मूल्य(NP) / दाम(BD) |
[安さ] 便宜(CN) / Độ rẻ(VN) / စျေးသက်သာ(MM) / सस्तोपन(NP) / सता(BD)